

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố công khai điều chỉnh kinh phí cải cách tiền lương đã phân bổ tại QĐ số 343/QĐ-UBND ngày 29/01/2024 và kinh phí cải cách tiền lương đã chuyển nguồn tại QĐ số 818/QĐ-UBND ngày 07/03/2024 của UBND Q. Long Biên**

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/06/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ vào Quyết định số 9899 /QĐ-UBND ngày 26/12/2022 của UBND quận Long Biên về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch kinh tế - xã hội và dự toán thu, chi ngân sách năm 2023 của quận Long Biên.

Căn cứ QĐ số 343/QĐ-UBND ngày 29/01/2024 về việc điều chỉnh kinh phí cải cách tiền lương đã phân bổ tại QĐ số 343/QĐ-UBND ngày 29/01/2024 và kinh phí cải cách tiền lương đã chuyển nguồn tại QĐ số 818/QĐ-UBND ngày 07/03/2024 của UBND Q. Long Biên

Xét đề nghị của kế toán Trường THCS Đức Giang

**QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1:** Công bố công khai Căn cứ QĐ số 343/QĐ-UBND ngày 29/01/2024 về việc điều chỉnh kinh phí cải cách tiền lương đã phân bổ tại QĐ số 343/QĐ-UBND ngày 29/01/2024 và kinh phí cải cách tiền lương đã chuyển nguồn tại QĐ số 818/QĐ-UBND ngày 07/03/2024 của UBND Q. Long Biên( theo biểu đính kèm)

Thời gian công khai: 29/03/2024 đến 29/06/2024

Hình thức công khai: Niêm yết tại Phòng Hội đồng Trường THCS Đức Giang và đăng trên cổng thông tin điện tử của nhà trường.

**Điều 2:** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày kí.

**Điều 3:** Văn phòng, Kế toán và các bộ phận liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.



### THÔNG BÁO

**Về việc công bố công khai điều chỉnh kinh phí cải cách tiền lương đã phân bổ tại QĐ số 343/QĐ-UBND ngày 29/01/2024 và kinh phí cải cách tiền lương đã chuyển nguồn tại QĐ số 818/QĐ-UBND ngày 07/03/2024 của UBND Q. Long Biên**

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Căn cứ thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/06/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ quyết định số Về việc công bố công khai điều chỉnh kinh phí cải cách tiền lương đã phân bổ tại QĐ số 343/QĐ-UBND ngày 29/01/2024 và kinh phí cải cách tiền lương đã chuyển nguồn tại QĐ số 818/QĐ-UBND ngày 07/03/2024 của UBND Q. Long Biên

Trường THCS Đức Giang thông báo niêm yết công khai như sau:

- Nội dung:** Niêm yết công khai điều chỉnh kinh phí cải cách tiền lương đã phân bổ tại QĐ số 343/QĐ-UBND ngày 29/03/2024 và kinh phí cải cách tiền lương đã chuyển nguồn tại QĐ số 818/QĐ-UBND ngày 07/03/2024 của UBND Q. Long Biên
- Thời gian niêm yết:** Từ ngày 29/03/2024 đến ngày 29/06/2024.
- Địa điểm niêm yết:** Phòng Hội đồng , cổng thông tin điện tử trường THCS Đức Giang.
- Bộ phận thực hiện niêm yết công khai:** Ban giám hiệu, kế toán, TB TTND, công khai tới toàn thể CBGVNV .
- Thời gian nhận ý kiến phản hồi:** Từ ngày 29/03/2024 đến ngày 29/06/2024
- Địa chỉ nhận ý kiến phản hồi:** Trực tiếp cho bộ phận thực hiện công khai hoặc qua hòm thư của nhà trường: c2ducgiang@longbien.edu.vn
- Thời gian trả lời, giải quyết ý kiến thắc mắc:** Chậm nhất là ngày 29/06/2024.



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN NIÊM YẾT CÔNG KHAI

Về việc Công bố công khai điều chỉnh kinh phí cải cách tiền lương đã phân bổ tại QĐ số 343/QĐ-UBND ngày 29/01/2024 và kinh phí cải cách tiền lương đã chuyển nguồn tại QĐ số 818/QĐ-UBND ngày 07/03/2024 của UBND. Long Biên

Căn cứ Quyết định số .../QĐ-THCSĐG ngày 29/03/2024 của Trường THCS Đức Giang về việc công bố công khai điều chỉnh giảm kinh phí cải cách tiền lương đã phân bổ tại QĐ số 343/QĐ-UBND ngày 29/01/2024 và kinh phí cải cách tiền lương đã chuyển nguồn tại QĐ số 818/QĐ-UBND ngày 07/03/2024 của UBND. Long Biên

Hôm nay, vào hồi 08h 00 ngày 29 tháng 03 năm 2024, tại phòng Hội đồng Trường THCS Đức Giang

**1. Thành phần gồm có:**

- |                           |   |
|---------------------------|---|
| - Bà Nguyễn Thị Soan      | Chức vụ: Hiệu trưởng- Người chịu trách nhiệm công khai      |
| - Bà: Nguyễn Thị Hạnh     | Chức vụ: Trưởng ban thanh tra ND- Người chịu trách nhiệm CK |
| - Bà: Nguyễn Thị Vân Anh  | Chức vụ: Thư ký HĐ- Người lập biên bản niêm yết công khai   |
| - Bà: Nguyễn Thị Hồng Hải | Chức vụ: Kế toán- Người chịu trách nhiệm niêm yết           |

**2. Với sự chứng kiến của:**

D/c: Đinh Hồng Phương- Nhân viên văn phòng

**3.Nội dung:** Niêm yết công khai điều chỉnh kinh phí cải cách tiền lương đã phân bổ tại QĐ số 343/QĐ-UBND ngày 29/01/2024 và kinh phí cải cách tiền lương đã chuyển nguồn tại QĐ số 818/QĐ-UBND ngày 07/03/2024 của UBND Quận Long Biên

**4.Thời gian niêm yết:** Từ ngày 29 tháng 03 năm 2024 đến hết ngày 29 tháng 06 năm 2024.

**5.Địa điểm niêm yết:** Phòng Hội đồng, cổng thông tin điện tử Trường THCS Đức Giang

Biên bản lập xong vào hồi 8 giờ 10 ngày 29 tháng 03 năm 2024, đã được thông qua các thành phần cùng nghe và nhất trí.

**Hiệu trưởng**  
  
**Nguyễn Thị Soan**

**Ban TTND**  
  
**Nguyễn Thị Hạnh**

**Người lập biên bản**  
  
**Nguyễn Thị Vân Anh**

**Người chứng kiến**

  
**Đinh Hồng Phương**

**Người chịu trách nhiệm niêm yết**

  
**Nguyễn Thị Hồng Hải**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN  
KẾT THÚC NIÊM YẾT CÔNG KHAI

Căn cứ Quyết định số ..08../QĐ-THCSĐG ngày 29/03/2024 của Trường THCS Đức Giang về việc công bố công khai điều chỉnh kinh phí cải cách tiền lương đã phân bổ tại QĐ số 343/QĐ-UBND ngày 29/01/2024 và kinh phí cải cách tiền lương đã chuyển nguồn tại QĐ số 818/QĐ-UBND ngày 07/03/2024 của UBND Q. Long Biên

Hôm nay, vào hồi 17h 00 ngày 29 tháng 06 năm 2024, tại phòng Hội đồng Trường THCS Đức Giang

1. Thành phần gồm có:

- Bà Nguyễn Thị Soan Chức vụ: Hiệu trưởng- Người chịu trách nhiệm công khai
- Bà: Nguyễn Thị Hạnh Chức vụ: Ban thanh tra ND- Người chịu trách nhiệm CK
- Bà: Nguyễn Thị Vân Anh Chức vụ: Thư ký HĐ- Người lập biên bản niêm yết công khai
- Bà: Nguyễn Thị Hồng Hải Chức vụ: Kế toán- Người chịu trách nhiệm niêm yết

2. Với sự chứng kiến của: Đ/c Cao Hồng Quân- Giáo viên Ngoại ngữ

3. Nội dung: Lập biên bản kết thúc công điều chỉnh kinh phí cải cách tiền lương đã phân bổ tại QĐ số 343/QĐ-UBND ngày 29/01/2024 và kinh phí cải cách tiền lương đã chuyển nguồn tại QĐ số 818/QĐ-UBND ngày 07/03/2024 của UBND Q. Long Biên

4. Thời gian đã được niêm yết: Từ ngày 29/03/2024 đến hết 29/06/2024.

5. Địa điểm niêm yết: Phòng Hội đồng, cổng thông tin điện tử Trường THCS Đức Giang

6. Những ý kiến phản hồi trong thời gian niêm yết: Không

Biên bản lập xong vào hồi 17 giờ 15 ngày 29 tháng 06 năm 2024, đã được thông qua các thành phần cùng nghe và nhất trí.

Hiệu trưởng  
  
Nguyễn Thị Soan

Ban TTND  
  
Nguyễn Thị Hạnh

Người lập biên bản  
  
Nguyễn Thị Vân Anh

Người chứng kiến  
  
Cao Hồng Quân

Người chịu trách nhiệm niêm yết  
  
Nguyễn Thị Hồng Hải

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
QUẬN LONG BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 818 /QĐ - UBND

Long Biên, ngày 07 tháng 3 năm 2024

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Chi chuyển nguồn từ ngân sách năm 2023 sang năm 2024**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN LONG BIÊN**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ văn bản số 15391/BTC-KBNN ngày 11/12/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý chuyển nguồn ngân sách cuối năm 2018 sang năm 2019 và các năm sau;

Căn cứ Quyết định số 4969/QĐ-UBND ngày 10/12/2022 của UBND thành phố Hà Nội về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch kinh tế - xã hội và dự toán thu, chi ngân sách năm 2023 của thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 9899/QĐ-UBND ngày 26/12/2022 của UBND quận Long Biên về việc giao chỉ tiêu kế hoạch kinh tế - xã hội và dự toán thu chi ngân sách năm 2023 của quận Long Biên;

Căn cứ Quyết định số 5299/QĐ-UBND ngày 18/12/2023 của UBND quận Long Biên về việc giao chỉ tiêu kế hoạch kinh tế - xã hội và dự toán thu chi ngân sách năm 2024 của quận Long Biên;

Căn cứ các Quyết định điều chỉnh, bổ sung từ ngân sách Thành phố cho ngân sách quận Long Biên trong năm 2023; từ ngân sách quận Long Biên cho các đơn vị trong năm 2023;

Căn cứ Thông báo số 5069/TB-STC ngày 31/8/2023 của Sở Tài chính Hà Nội về việc thông báo thẩm định quyết toán ngân sách quận Long Biên năm 2022;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch quận.

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Chi chuyển nguồn ngân sách, số tiền: 7.252.619.304.229 đồng (Bảy nghìn, hai trăm năm mươi hai tỷ, sáu trăm mười chín triệu, ba trăm linh tư

ngàn, hai trăm hai mươi chín đồng) từ ngân sách quận Long Biên năm 2023 sang năm 2024. Cụ thể:

- Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương: 6.906.406.649.711 đồng.
- Kinh phí tự chủ: 15.462.921.046 đồng.
- Kinh phí tạm ứng vốn đầu tư XD CB: 330.752.733.472 đồng.

(Chi tiết theo biểu đính kèm)

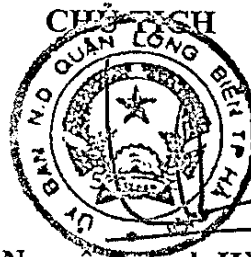
**Điều 2.** Phòng Tài chính - Kế hoạch phối hợp với Kho bạc nhà nước Long Biên lập thủ tục chi chuyển nguồn số tiền đã ghi tại Điều 1 từ ngân sách quận Long Biên năm 2023 sang năm 2024 để tiếp tục thực hiện theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

**Điều 3.** Chánh văn phòng HĐND - UBND quận, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch, Giám đốc Kho bạc nhà nước Long Biên và thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

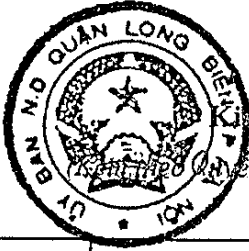
Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT, TCKH (8b).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN



Nguyễn Mạnh Hà



Biểu tổng hợp  
Kinh phí chuyển nguồn ngân sách năm 2023 sang năm 2024

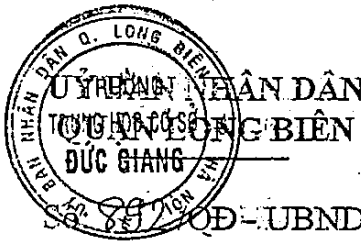
Quyết định số: 918/QĐ-UBND ngày 07/3/2024 của UBND quận Long Biên)

Đơn vị: đồng

SỐ TT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN	GHI CHÚ
	<b>Tổng số (A+B+C+D)</b>	<b>7.252.619.304.229</b>	
<b>A</b>	<b>Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương</b>	<b>6.906.406.649.711</b>	
<b>I</b>	<b>Kinh phí đã phân bổ năm 2023</b>	<b>49.489.130.638</b>	
<b>a</b>	<b>Khối phòng ban, đoàn thể, Hội</b>	<b>206.194.520</b>	
1	Văn phòng HĐND-UBND	22.112.970	
2	Phòng Tài nguyên và Môi trường	10.392.144	
3	Phòng Văn hóa thông tin	7.953.274	
4	Phòng Nội vụ	2.285.210	
5	Phòng Tài chính - Kế hoạch	286.093	
6	Phòng Tư pháp	15.441.436	
7	Phòng Kinh tế	11.505.291	
8	Phòng Y tế	622.686	
9	Phòng Giáo dục và Đào tạo	15.944.424	
10	Thanh tra quận	3.833.981	
11	Đội quản lý trật tự xây dựng đô thị	29.816.453	
12	Ủy ban Mặt trận Tổ Quốc	10.282.999	
13	Quận Đoàn	535.037	
14	Hội phụ nữ	28.120.024	
15	Hội Cựu chiến binh	14.529.053	
16	Hội chữ thập đỏ	1.023.399	
17	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên	26.102.784	
18	Trung tâm Chính trị	5.407.262	
<b>b</b>	<b>Khối phường</b>	<b>370.467.552</b>	
1	Phường Việt Hưng	31.638.835	
2	Phường Giang Biên	75.088.514	
3	Phường Bồ Đề	20.875.419	
4	Phường Sài Đồng	7.547.671	
5	Phường Phúc Lợi	22.400.317	
6	Phường Đức Giang	110.361.221	
7	Phường Ngọc Thụy	4.253.253	
8	Phường Phúc Đồng	3.186.657	
9	Phường Thượng Thanh	4.310.312	
10	Phường Thạch Bàn	90.801.307	
11	Phường Gia Thụy	4.046	
<b>c</b>	<b>Khối giáo dục</b>	<b>9.579.158.288</b>	
1	Mầm non Ánh Sao	156.996.000	
2	Mầm non Bắc Biên	80.482.112	

SỐ TT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN	GHI CHÚ
3	Mầm non Bắc Cầu	84.725.200	
4	Mầm non Bồ Đề	104.449.623	
5	Mầm non Chim én	177.415.714	
6	Mầm non Cự Khôi	84.010.074	
7	Mầm non Đức Giang	35.581.386	
8	Mầm non Gia Quất	147.094	
9	Mầm non Gia Thượng	226.464.000	
10	Mầm non Gia Thủy	67.968.625	
11	Mầm non Giang Biên	105.659.269	
12	Mầm non Hoa Anh Đào	201.512.000	
13	Mầm non Hoa Hương Dương	131.421.000	
14	Mầm non Hoa Mai	147.500.000	
16	Mầm non Hoa Phượng	31.725.015	
17	Mầm non Hoa Sen	68.192.340	
18	Mầm non Hoa Sưa	227.091.000	
19	Mầm non Hoa Thủy Tiên	159.581.600	
20	Mầm non Hồng Tiến	203.500.000	
21	Mầm non Long Biên	77.590.015	
22	Mầm non Long Biên A	116.945.000	
23	Mầm non Năng Mai	98.945.000	
24	Mầm non Ngọc Thủy	166.048.800	
26	Mầm non Phúc Đông	215.259.000	
27	Mầm non Phúc Lợi	148.421.000	
28	Mầm non Sơn Ca	9.616.812	
29	Mầm non Tân Mai	94.857.000	
30	Mầm non Thạch Bàn	400	
31	Mầm non Thạch Cầu	75.091.989	
32	Mầm non Thượng Thanh	66.657.419	
33	Mầm non Tráng An	159.851.429	
34	Mầm non Tuổi Hoa	120.416.169	
35	Mầm non Việt Hưng	81.294.000	
36	Tiểu học Bồ Đề	8.841.121	
37	Tiểu học Cự Khôi	8.207.390	
38	Tiểu học Đoàn Kết	68.460.929	
39	Tiểu học Đoàn Khuê	135.636.401	
40	Tiểu học Gia Thủy	4.085.429	
41	Tiểu học Ngô Gia Tự	17.376.565	
42	Tiểu học Ngọc Lâm	13.914.994	
43	Tiểu học Nguyễn Bình Khiêm	71.189.525	
44	Tiểu học Thanh Âm	48.631.215	
45	THCS Ai Mộ	476.659.200	
46	THCS Bồ Đề	216.863.058	
47	THCS Cự Khôi	207.658.304	

SỐ TT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN	GHI CHÚ
48	THCS DT Việt Hưng	215.872.229	
49	THCS Đức Giang	141.159.583	
50	THCS Gia Quất	63.123.823	
51	THCS Gia Thụy	470.540.926	
52	THCS Giang Biên	175.472.282	
53	THCS Lê Quý Đôn	182.709.497	
54	THCS Long Biên	345.920.939	
55	THCS Lý Thường Kiệt	277.821.419	
56	THCS Ngô Gia Tự	121.547.979	
57	THCS Ngọc Lâm	461.671.200	
58	THCS Ngọc Thụy	265.235.102	
59	THCS Nguyễn Bình Khiêm	145.699.467	
60	THCS Phúc Đồng	144.380.257	
61	THCS Phúc Lợi	210.908.572	
62	THCS Sài Đồng	378.066.923	
63	THCS Thạch Bàn	360.540.618	
64	THCS Thanh Am	316.128.000	
65	THCS Thượng Thanh	140.942.968	
66	THCS Việt Hưng	158.476.288	
d	Kinh phí đã phân bổ chi cho các dự án đầu tư XDCH còn dư	39.333.310.278	
II	Kinh phí chưa phân bổ năm 2023	6.856.917.519.073	
1	10% tiết kiệm chi thường xuyên năm 2023 chưa phân bổ	54.907.000.000	
2	Kinh phí CCTL năm 2023 chưa sử dụng hết chuyển sang năm 2024	6.668.146.257.306	
3	70% tăng thu ngân sách thực hiện năm 2023 so dự toán năm 2023	133.864.261.767	
B	Kinh phí tự chủ	15.459.921.046	
I	Khởi phòng ban, đoàn thể, Hội	4.683.640.771	
1	Văn phòng HĐND-UBND	1.693.831.479	
2	Phòng Lao động TB&XH	400.469.694	
3	Phòng Tài nguyên và Môi trường	78.798.984	
4	Phòng Văn hóa thông tin	65.589.852	
5	Phòng Nội vụ	3.030.247	
6	Phòng Tài chính - Kế hoạch	228.847.129	
7	Phòng Tư pháp	56.983.856	
8	Phòng Quản lý đô thị	56.825.817	
9	Phòng Kinh tế	186.856.011	
10	Phòng Y tế	313.218.633	
11	Phòng Giáo dục và Đào tạo	199.440.560	
12	Thanh tra quận	6.314.940	
13	Đội quản lý trật tự xây dựng đô thị	11.088.425	



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Long Biên, ngày 15 tháng 3 năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh kinh phí cải cách tiền lương đã phân bổ tại Quyết định số 343/QĐ-UBND ngày 29/01/2024 và kinh phí cải cách tiền lương đã chuyển nguồn tại Quyết định số 818/QĐ-UBND ngày 07/3/2024 của UBND quận Long Biên

### ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN LONG BIÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Văn bản số 1058/BTC-KBNN ngày 25/01/2024 của Bộ Tài chính về việc phân bổ kinh phí được sử dụng từ nguồn cải cách tiền lương;

Căn cứ Quyết định số 5299/QĐ-UBND ngày 18/12/2023 của UBND quận Long Biên về việc giao chỉ tiêu kế hoạch kinh tế - xã hội và dự toán thu chi ngân sách năm 2024 của quận Long Biên;

Căn cứ Quyết định số 343/QĐ-UBND ngày 29/01/2024 của UBND quận Long Biên về việc bổ sung kinh phí cải cách tiền lương đảm bảo quỹ tiền lương cho các phòng, ban ngành, hội đoàn thể, đơn vị sự nghiệp công lập và UBND các phường trên địa bàn quận (Đợt 1 - năm 2024);

Căn cứ Quyết định số 818/QĐ-UBND ngày 07/3/2024 của UBND quận Long Biên về việc chi chuyển nguồn từ ngân sách năm 2023 sang năm 2024;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch quận.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Điều chỉnh kinh phí cải cách tiền lương đã phân bổ tại Quyết định số 343/QĐ-UBND ngày 29/01/2024 và kinh phí cải cách tiền lương đã chuyển nguồn tại Quyết định số 818/QĐ-UBND ngày 07/3/2024 của UBND quận Long Biên. Nội dung cụ thể như sau:

1. Điều chỉnh giảm kinh phí cải cách tiền lương đã phân bổ (mã nguồn 14) tại Quyết định số 343/QĐ-UBND ngày 29/01/2024 và kinh phí cải cách tiền lương đã chuyển nguồn tại Quyết định số 818/QĐ-UBND ngày 07/3/2024 của

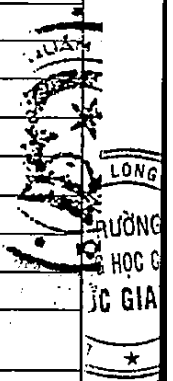
**PHỤ LỤC**

Điều chỉnh kinh phí cải cách tiền lương đã phân bổ tại Quyết định số 343/QĐ-UBND ngày 29/01/2024 và  
kinh phí cải cách tiền lương đã chuyển nguồn tại Quyết định số 818/QĐ-UBND ngày 07/3/2024 của  
UBND quận Long Biên

(Kèm theo Quyết định số: 992 /QĐ-UBND ngày 15/3/2024 của UBND quận Long Biên)

Đơn vị: đồng

SỐ TT	NỘI DUNG	Điều chỉnh giảm (Mã nguồn 14)			Bổ sung kinh phí đảm bảo Quỹ tiền lương (Mã nguồn 13)	GHI CHÚ
		Tổng cộng	Kinh phí CCTL đã phân bổ tại Quyết định số 343/QĐ-UBND ngày 29/01/2024	Kinh phí Cải cách tiền lương đã chuyển nguồn tại Quyết định số 818/QĐ-UBND ngày 07/3/2024		
<b>TỔNG SỐ (=I+II+III+IV)</b>		<b>32.598.820.360</b>	<b>22.443.000.000</b>	<b>10.155.820.360</b>	<b>32.598.820.360</b>	
<b>I</b>	<b>KHỐI PHÒNG BAN</b>	<b>1.981.296.746</b>	<b>1.835.000.000</b>	<b>146.296.746</b>	<b>1.981.296.746</b>	
1	Văn phòng HĐND-UBND quận	292.112.970	270.000.000	22.112.970	292.112.970	
2	Phòng Tài nguyên và môi trường	150.392.144	140.000.000	10.392.144	150.392.144	
3	Phòng Quản lý đô thị	135.000.000	135.000.000		135.000.000	
4	Phòng Kinh tế	86.505.291	75.000.000	11.505.291	86.505.291	
5	Phòng Văn hóa và thông tin	77.953.274	70.000.000	7.953.274	77.953.274	
6	Phòng Nội vụ	117.285.210	115.000.000	2.285.210	117.285.210	
7	Phòng LĐTB&XH quận	80.000.000	80.000.000		80.000.000	
8	Phòng Giáo dục - Đào tạo	175.944.424	160.000.000	15.944.424	175.944.424	
9	Phòng Tài chính - Kế hoạch	105.286.093	105.000.000	286.093	105.286.093	
10	Phòng Tư pháp	80.441.436	65.000.000	15.441.436	80.441.436	
11	Thanh tra quận	83.833.981	80.000.000	3.833.981	83.833.981	
12	Phòng Y tế	75.622.686	75.000.000	622.686	75.622.686	
13	Đội quản lý trật tự đô thị Long Biên	494.816.453	465.000.000	29.816.453	494.816.453	
14	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên	26.102.784		26.102.784	26.102.784	
<b>II</b>	<b>KHỐI ĐẢNG, ĐOÀN THỂ, HỘI</b>	<b>1.079.897.774</b>	<b>1.020.000.000</b>	<b>59.897.774</b>	<b>1.079.897.774</b>	
1	Văn phòng Quận ủy	625.000.000	625.000.000		625.000.000	
2	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	105.282.999	95.000.000	10.282.999	105.282.999	
3	Quận đoàn	55.535.037	55.000.000	535.037	55.535.037	
4	Hội Liên hiệp Phụ nữ	113.120.024	85.000.000	28.120.024	113.120.024	
5	Hội Cựu chiến binh	49.529.053	35.000.000	14.529.053	49.529.053	
6	Hội Chữ thập đỏ	31.023.399	30.000.000	1.023.399	31.023.399	
7	Hội Người mù	25.000.000	25.000.000		25.000.000	
8	Trung tâm chính trị quận	75.407.262	70.000.000	5.407.262	75.407.262	
<b>III</b>	<b>KHỐI PHƯỜNG</b>	<b>6.995.467.552</b>	<b>6.625.000.000</b>	<b>370.467.552</b>	<b>6.995.467.552</b>	
1	Phường Việt Hưng	507.638.835	476.000.000	31.638.835	507.638.835	
2	Phường Giang Biên	561.088.514	486.000.000	75.088.514	561.088.514	
3	Phường Bồ Đề	592.875.419	572.000.000	20.875.419	592.875.419	
4	Phường Long Biên	463.000.000	463.000.000		463.000.000	
5	Phường Sài Đồng	445.547.671	438.000.000	7.547.671	445.547.671	
6	Phường Phúc Lợi	408.400.317	386.000.000	22.400.317	408.400.317	
7	Phường Ngọc Lâm	460.000.000	460.000.000		460.000.000	



SỐ TT	NỘI DUNG	Điều chỉnh giảm (Mã nguồn 14)			Bổ sung kinh phí đảm bảo Quỹ tiền lương (Mã nguồn 13)	GHI CHÚ
		Tổng cộng	Kinh phí CCTL đã phân bổ tại Quyết định số 343/QĐ-UBND ngày 29/01/2024	Kinh phí Cải cách tiền lương đã chuyển nguồn tại Quyết định số 818/QĐ-UBND ngày 07/3/2024		
34	Mầm non Trảng An	159.851.429		159.851.429	159.851.429	
35	Mầm non Tuổi Hoa	120.416.169		120.416.169	120.416.169	
36	Mầm non Việt Hưng	81.294.000		81.294.000	81.294.000	
37	Tiểu học Ái Mộ A	395.000.000	395.000.000		395.000.000	
38	Tiểu học Ái Mộ B	590.000.000	590.000.000		590.000.000	
39	Tiểu học Bồ Đề	418.841.121	410.000.000	8.841.121	418.841.121	
40	Tiểu học Cự Khối	378.207.390	370.000.000	8.207.390	378.207.390	
41	Tiểu học Đoàn Kết	488.460.929	420.000.000	68.460.929	488.460.929	
42	Tiểu học Đoàn Khuê	490.636.401	355.000.000	135.636.401	490.636.401	
43	Tiểu học DT Việt Hưng	520.000.000	520.000.000		520.000.000	
44	Tiểu học Đức Giang	525.000.000	525.000.000		525.000.000	
45	Tiểu học Gia Quất	270.000.000	270.000.000		270.000.000	
46	Tiểu học Gia Thượng	360.000.000	360.000.000		360.000.000	
47	Tiểu học Gia Thụy	774.085.429	770.000.000	4.085.429	774.085.429	
48	Tiểu học Giang Biên	295.000.000	295.000.000		295.000.000	*
49	Tiểu học Lê Quý Đôn	370.000.000	370.000.000		370.000.000	
50	Tiểu học Long Biên	560.000.000	560.000.000		560.000.000	
51	Tiểu học Lý Thường Kiệt	310.000.000	310.000.000		310.000.000	
52	Tiểu học Ngô Gia Tự	552.376.565	535.000.000	17.376.565	552.376.565	
53	Tiểu học Ngọc Lâm	673.914.994	660.000.000	13.914.994	673.914.994	
54	Tiểu học Ngọc Thụy	640.000.000	640.000.000		640.000.000	
55	Tiểu học Nguyễn Bình Khiêm	341.189.525	270.000.000	71.189.525	341.189.525	
56	Tiểu học Phúc Đồng	405.000.000	405.000.000		405.000.000	
57	Tiểu học Phúc Lợi	385.000.000	385.000.000		385.000.000	
58	Tiểu học Sài Đồng	480.000.000	480.000.000		480.000.000	
59	Tiểu học Thạch Bàn A	300.000.000	300.000.000		300.000.000	
60	Tiểu học Thạch Bàn B	390.000.000	390.000.000		390.000.000	
61	Tiểu học Thanh Am	438.631.215	390.000.000	48.631.215	438.631.215	
62	Tiểu học Thượng Thanh	525.000.000	525.000.000		525.000.000	
63	Tiểu học Việt Hưng	440.000.000	440.000.000		440.000.000	
64	Tiểu học Vũ Xuân Thiều	445.000.000	445.000.000		445.000.000	
65	Trường PTCS Hy Vọng	373.000.000	373.000.000		373.000.000	
66	THCS Ái Mộ	476.659.200		476.659.200	476.659.200	
67	THCS Bồ Đề	216.863.058		216.863.058	216.863.058	
68	THCS Cự Khối	207.658.304		207.658.304	207.658.304	
69	THCS DT Việt Hưng	215.872.229		215.872.229	215.872.229	
70	THCS Đức Giang	141.159.583		141.159.583	141.159.583	
71	THCS Gia Quất	63.123.823		63.123.823	63.123.823	
72	THCS Gia Thụy	470.540.926		470.540.926	470.540.926	
73	THCS Giang Biên	175.472.282		175.472.282	175.472.282	
74	THCS Lê Quý Đôn	182.709.497		182.709.497	182.709.497	

